TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thưa.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Khắc Chung;
2. Bà Lê Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 441/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp u, xã T, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018, tại bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Chị và anh P sau thời gian tìm hiểu có tổ chức đám cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 16 tháng 7 năm 2012. Sau khi cưới chị và anh P sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với chị. Mặc dù chị H có khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2015. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài V, sinh năm 2001. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoài P được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối anh P. Bị đơn anh P có địa chỉ tại ấp u, xã T, huyện X nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H có đơn xin ly hôn với anh P. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Hoài P vắng mặt không có lý do dù được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh P sau thời gian tìm hiểu nên tổ chức đám cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H và anh P sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với chị nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2015. Theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 17/9/2018 chị H cung cấp cho Tòa án thì trưởng ấp Tân Luông A, xã Tân P huyện Cai Lậy có xác nhận mâu thuẫn giữa chị H và anh P là có thật. Đối với bị đơn anh P từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh vắng mặt không lý do, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P và chị H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2001 đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh P không có ý kiến gì về con chung, cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó giao cháu V cho chị H được tiếp tục

nuôi dưỡng là phù hợp với quy định với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H. Chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2001 cho chị Nguyễn Thị Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoài P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét đến.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu số 15996 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị H đã thực hiện xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Văn Thưa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH TIỀN GIANG

Cai Lậy, ngày 07 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thưa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Chung

2. Bà Lê Thị Vân.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 441/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp " ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp u, xã T, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp "Ly hôn".

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2.Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3.Quyết định xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H. Chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài V, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2001 cho chị Nguyễn Thị Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tiên không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoài P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Không xem xét đến.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đến phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh đã nộp theo biên lai thu số 14707 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên anh Đến đã thực hiện xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh đã nộp theo biên lai thu số 15996 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị H đã thực hiện xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**